

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đối tượng: Chuyên khoa I – chuyên ngành Y học cổ truyền

HÀ NỘI - 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa I

Mã ngành đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Triết học
- * Tiếng Anh: Philosophy
- Mã học phần: .311101
- Số tín chỉ: .03.LT/...0..TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: ...23. tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: ...0.. tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ...08...tiết
 - + Kiểm tra: ...01...tiết
 - + Thời gian tự học: ...13..tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi T. Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
1	<p>* Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam. - Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội. 	CDR 1	0.0 → 2.0
2	<p>* Về kỹ năng :</p> <p>Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.</p>	CDR 6 CDR 12 CDR 13	3.0 → 3.5
3	<p>* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm :</p> <p>Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc sống hàng</p>	CDR 19 CDR 20	3.5 → 4.0

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
	ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.	CĐR1: Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
MT2: Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.	CĐR 2: Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay. CĐR3: Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
Kỹ năng	
Sau khi kết thúc môn học người học có được phương pháp tư duy khoa học, biện chứng; có một thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nhận thức đối tượng và giải quyết các tình huống nảy sinh trong công tác chuyên môn cũng như trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày.	CĐR 4: Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Học viên có được thái độ tôn trọng các nội dung và nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong công tác chuyên môn, trong cuộc sống hàng ngày; góp phần xây dựng đất nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày một giàu mạnh.	CĐR5: Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chương 1: Khái lược về Triết học	3	3			
Chương 2: Triết học Mác - Lênin			3	1	1
Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên		1			
Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội			2		1

6. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp:

1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học;

3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

7. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/ KT	Tổng cộng		
<p>Chương I:</p> <p>KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>I. Triết học là gì?</p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p>II. Triết học phương Đông</p> <p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại (Triết học Phật giáo)</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>- Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam.</p> <p>- Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p> <p>IV. Triết học phương Tây</p> <p>1. Đặc thù của triết học phương Tây.</p> <p>2. Triết học Hy Lạp cổ đại</p> <p>3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại.</p> <p>4. Triết học cổ điển Đức.</p> <p>5. Triết học phương Tây đương đại.</p>	8	0	4	12	04	<p>- Học viên tự nghiên cứu Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

Chương II: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN						
I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin	04	0	04	08	04	
1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.						
II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng						
1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật						
- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.						- Học viên tự nghiên cứu
- Nguyên lý về sự phát triển.						Giáo trình một số nội dung trong bài học.
2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định).						- Nghe giảng - Trao đổi và thảo luận
3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật (cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, ngẫu nhiên và tất nhiên, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng, khả năng và hiện thực).						- Làm bài kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)
III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử						
1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội						
2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX						
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng						
4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội						
5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người						

<p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>						
<p style="text-align: center;">Chương III:</p> <p style="text-align: center;">MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</p> <p>1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</p> <p><i>a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.</i></p> <p>- Khoa học với sự ra đời và phát triển của các quan điểm triết học, các trào lưu triết học.</p> <p>+ Khoa học và triết học thời cổ đại</p> <p>+ Khoa học trong nền triết học tự nhiên</p> <p>+ Cơ học cổ điển và tư duy siêu hình</p> <p>+ Khoa học hiện đại và tư duy biện chứng</p> <p>- Triết học không thể khái quát các quan niệm và kết luận triết học từ đâu khác ngoài các dữ liệu của khoa học và của đời sống thực tiễn.</p> <p><i>b. Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học.</i></p> <p>- Những thành tựu của khoa học có nhu cầu tự thân đòi hỏi phải được giải thích lý luận, tất yếu dẫn tới các kết luận chung về lý thuyết, những khái quát triết học định hướng.</p> <p>- Thiếu kiến thức khoa học và dữ liệu đời sống cập nhật, nhà triết học không thể có</p>	04	0	04	08	0	<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<p>tư duy triết học hợp lý, đúng đắn; triết học trở nên xa rời thực tiễn.</p> <p>2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học</p> <p><i>a. Thế giới quan và phương pháp luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thế giới quan và Khái niệm phương pháp luận. - Các loại thế giới quan và phương pháp luận. - Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học nói chung và của triết học duy vật biện chứng nói riêng. <p><i>b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triết học có vai trò thúc đẩy (hoặc kìm hãm) sự phát triển của khoa học. + Triết học sáng suốt dẫn đường cho khoa học phát minh, sáng chế. + Sự hạn chế trong tư tưởng triết học sẽ dẫn tới cản trở khoa học và hoạt động thực tiễn. + Phép biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận của khoa học hiện đại, là công cụ để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới, định hướng phát triển khoa học. - Phương pháp luận siêu hình cản trở sự phát triển của khoa học. <p><i>c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường</i></p>						
--	--	--	--	--	--	--

<p>- Thiếu tư duy triết học sáng suốt dẫn đường, nhà khoa học khó có thể xác định tốt những định hướng nghiên cứu đúng đắn, tối ưu để đi tới những phát minh, sáng chế.</p> <p>- Nhà khoa học đạt tới trình độ cao trong các khoa học chuyên ngành thường là những người có tư duy triết học sâu sắc.</p> <p>- Các nhà khoa học dù có thái độ thế nào đi nữa cũng vẫn bị triết học chi phối.</p> <p>+ Coi thường phép biện chứng, coi thường quy luật, coi thường logic khách quan... không tránh khỏi dẫn tới sai lầm trong bản thân lĩnh vực chuyên sâu (Lênin).</p> <p>+ “Những ai phi báng triết học nhiều nhất lại chính là những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hóa, tồi tệ nhất của triết học” (C. Mác – Ph. Ăngghen. <i>Toàn tập</i>, t.20. NXB CTQG, 1994, tr. 692-693).</p>						
<p style="text-align: center;">Chương IV:</p> <p style="text-align: center;">VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XH</p> <p>1. Ý thức Khoa học</p> <p><i>a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó</i></p> <p>- Khoa học với tính cách là hình thái ý thức xã hội.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hệ thống tri thức.</p> <p>- Khoa học với tính cách là hoạt động XH</p> <p>- Những tiền đề của sự xuất hiện các khoa học:</p>	04	0	04	08	01	<p>- Học viên tự nghiên cứu</p> <p>Giáo trình một số nội dung trong bài học.</p> <p>- Nghe giảng</p> <p>- Trao đổi và thảo luận</p>

<p>+ Thời Cổ đại và Trung cổ.</p> <p>+ Thời đại Phục hưng và Khai sáng.</p> <p>- Sự xuất hiện các khoa học:</p> <p>+ Các khoa học tự nhiên.</p> <p>+ Các khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p><i>b. Các loại hình khoa học chủ yếu</i></p> <p>- Phân loại khoa học.</p> <p>- Khoa học tự nhiên và công nghệ.</p> <p>- Khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p>+ Khoa học xã hội và nhân văn ngày nay trực tiếp là dữ liệu khái quát của gần như tất cả các nhà triết học và hầu hết các trào lưu triết học.</p> <p>+ Triết học ngày nay gắn bó đặc biệt hữu cơ với khoa học xã hội và nhân văn và với các khoa học liên ngành, đa ngành.</p> <p>2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</p> <p><i>a. Cách mạng khoa học - công nghệ</i></p> <p>- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ trong lịch sử: bối cảnh kinh tế - xã hội, nội dung và tác động của nó đến sự phát triển xã hội.</p> <p>- Một số thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.</p> <p>+ Tin học và công nghệ thông tin.</p> <p>+ Khoa học tự nhiên và công nghệ: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ siêu cơ bản, công nghệ năng lượng mới; khoa học và công nghệ vũ trụ...</p> <p>+ Khoa học xã hội và quản lý xã hội.</p>						
--	--	--	--	--	--	--

<p>- Đặc điểm và vai trò của cách mạng khoa học - công nghệ.</p> <p>+ Rút ngắn thời gian thực hiện các ý tưởng. Rút ngắn vòng đời các sản phẩm khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Giải phóng người lao động khỏi quá trình sản xuất trực tiếp.</p> <p>+ Thay đổi các quan hệ xã hội.</p> <p><i>b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i></p> <p>- Động lực của sự phát triển (khái niệm nguồn gốc, động lực của sự phát triển; các loại động lực của sự phát triển xã hội).</p> <p>- Quan niệm của Mác về khoa học với tính cách là lực lượng sản xuất trực tiếp.</p> <p>- Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển.</p> <p>3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</p> <p><i>a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.</p> <p>- Những hạn chế, yếu kém.</p> <p>- Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém.</p> <p><i>b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ.</p> <p>- Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam.</p>						
---	--	--	--	--	--	--

<p>+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Trí thức và nguồn nhân lực khoa học và công nghệ là tài nguyên vô giá của đất nước.</p> <p>+ Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ, phát huy vai trò dẫn đường của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p> <p>- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.</p> <p>+ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ, đảm bảo vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tác động và đóng góp quyết định cho phát triển.</p> <p>+ Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>+ Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.</p> <p>+ Hợp tác và hội nhập quốc tế.</p>				32	13	
--	--	--	--	----	----	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập:

8.1. Tài liệu chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB. Chính trị Quốc gia, HN

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết:

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 2	Khái luận về triết học						4 giờ
Buổi 3	Khái luận về triết học	4 giờ					
Buổi 4	Khái luận về triết học				4 giờ		
Buổi 5	Triết học Mác – Lênin	4 giờ					
Buổi 6	Triết học Mác – Lênin						4 giờ
Buổi 7	Triết học Mác – Lênin						

Buổi 8	Triết học Mác – Lênin		1 giờ		3 giờ		
Buổi 9	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học	4 giờ					
Buổi 10	Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học						4 giờ
Buổi 11	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	4 giờ					1 giờ
Buổi 12	Vai trò của sự phát triển KHCN trong phát triển xã hội	3 giờ			1 giờ		
	TỔNG	23	1		8	0	13

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình ; Phát vấn ; Động não; Học dựa trên vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phấn)...

11.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp:

+ Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

+ Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên

+ Nghi học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm chuyên cần	10%	80% số buổi học trên lớp	
2	Điểm kiểm tra điều kiện	30%	Nắm được kiến thức căn bản của môn học	
3	Điểm thi kết thúc học phần	60%	Nhớ, hiểu và vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đề bài đặt ra	
	Thi tự luận/ Viết tiểu luận	100%	Bài làm đúng, đủ theo gợi ý của đáp án	CĐR 1 đến CĐR 16

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

13.. Hướng dẫn thực hiện:

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN


ĐOÀN QUANG HUY


ĐINH NGUYỄN AN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: **Chuyên khoa I - YHCT**; Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về Học phần:

- Tên Học phần/ Môn học: **Ngoại ngữ/Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: **03**
- Đối tượng học: **Năm thứ Nhất – Chuyên khoa I YHCT**
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Trung trình độ HSK 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: **75 tiết**
- * Lý thuyết: **30 tiết**
- * Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: **20 tiết**
- * Thực hành: **25 tiết**
- Thời gian tự học: **90 giờ**
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvut@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thừa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	Vận dụng được các cấu trúc tiếng Trung, vốn từ vựng phổ thông và thuật ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền.		
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CDR)

Mục tiêu	CDR của HP	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT1 Kiến thức	CDR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học cổ truyền bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	
	CDR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	
	CDR3	Ngữ pháp: - Nhận biết về cách sử dụng động từ, tính từ, giới từ, liên từ, kết cấu cố định. - Nhận biết các cấu trúc câu trong đọc, viết.	
	CDR4	Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp: - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa. - Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Trung Quốc và những tài liệu chuyên môn ngắn liên quan đến Y học cổ truyền.	
MT2 Kỹ năng	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y học cổ truyền tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	

MT3	CĐR9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu	√		√	√	√	√			√
第二课: 针刺疗法 Bài 2: Điều trị bằng châm cứu	√		√	√		√	√	√	√
第三课: 推拿 Bài 3: Xoa bóp	√		√	√	√	√			√
第四课: 甘草的传说 Bài 4: Truyền thuyết cam thảo	√		√	√	√	√			√
第五课: 人参 Bài 5: Nhân sâm	√		√	√	√	√	√		√
第六课: 中医学的基本特点 Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第七课: 阴阳学说 Bài 7: Học thuyết âm dương	√		√	√		√	√	√	√
第八课: 复习	√		√	√	√	√			√

6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Trung chuyên ngành (TTCN) được xây dựng với 07 đơn vị bài học. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Trung trong lĩnh vực y học cổ truyền như Trong từng bài học có những phần chính gồm Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TTCN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học

viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TTCN này giúp phát triển sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung. Học phần TTCN rèn luyện các kỹ năng và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, mô tả và xác định nguyên nhân gây bệnh bằng kiến thức y dược học cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Tự học (giờ)	Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
<p>第一课：针灸</p> <p>Bài 1: Châm cứu</p> <p>一、生词：35 个生词；3 个专名</p> <p>二、课文：《针灸》</p> <p>三、词语用法举例：1、包括；2、为...所...；3、对于；4、通过；5、一定</p> <p>四、注释：1、为...所...；2、对于；3、通过；4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第二课：针刺疗法</p> <p>Bài 2: Điều trị bằng châm cứu</p> <p>一、生词：36 个生词</p> <p>二、课文：《针刺疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、适当；2、不断；3、根据；4、用来.....；5、.....,再.....</p> <p>四、注释：1、不断 2、根据；3、..... 用来.....</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第三课：推拿</p> <p>Bài 3: Xoa bóp</p> <p>一、生词：35 个生词</p> <p>二、课文：《推拿》</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình,</p>

<p>三、词语用法举例：1、称；2、必须；3、既.....又（也）.....；4、对.....来说</p> <p>四、注释：1、称；2、既.....又（也）.....；3、对.....来说</p> <p>五、练习</p>						<p>đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第四课：甘草的传说</p> <p>Bài 4: Truyền thuyết cam thảo</p> <p>一、生词：36个生词</p> <p>二、课文：《甘草的传说》</p> <p>三、词语用法举例：1、偶然；2、照常；3、临；4、甚至；5、等</p> <p>四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后.....；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第五课：人参</p> <p>Bài 5: Nhân sâm</p> <p>一、生词：34个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不能满足需要；3、促使</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第六课：中医学的基本特点</p> <p>Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</p> <p>一、生词：37个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不能满足需要；3、促使</p> <p>五、练习</p>						

第七课：阴阳学说						
Bài 7: Học thuyết âm dương						
第八课：复习						

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编，*中医汉语（下）*，北京语言文化大学出版社，1999年
- [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
- [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.
- [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.
- [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
- [5]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级，北京语言文化出版社，2011年.
- [6]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级，北京语言文化出版社，2011年.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		2	2		7.5
2	3		2	2		7.5
3	2		2	2		7.5
4	3		1	2		7.5
5	3		1	2		7.5

6	2		2	2		7.5
7	3		2	2		7.5
8	3		2	2		7.5
9	3		1	2		7.5
10	3		1	2		7.5
11	2		2	2		7.5
12	0		2	3		7.5
Tổng	30		20	25		90

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

- Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ
- Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai
- Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống
- Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

12.2.1. Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CDR1 đến CDR9

12.3. Điểm học phần

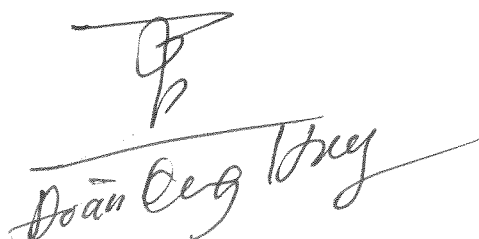
Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đoàn Ông Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chi Lê

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ỨNG DỤNG (PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo:, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Tin học ứng dụng
- * Tiếng Anh: Applied Informatics
- Mã học phần/ mô đun: HVTH
- Số tín chỉ: 02TC(0.5LT/1.5TH)
- Đối tượng học: năm thứ nhất, Chuyên khoa I
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương và ứng dụng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 7.5 tiết
 - + Thực hành: 40 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - + Kiểm tra: ... tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: - Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, Tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR4	3
2	Kỹ năng : - Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao). - Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....) - Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.	CĐR4, CĐR11, CĐR15	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
33	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR16,17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR1: Vận dụng được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học, luận văn.
Kỹ năng	
MT2: Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao).	CĐR2: Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chia sẻ, tìm kiếm trên hệ thống mạng Lan và internet.
MT3: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form.....)	CĐR3: Tìm kiếm được tài liệu tham khảo chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành Y để chèn tài liệu tham khảo vào đề tài.
MT4: Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.	CĐR4: Vận dụng thành thạo chương trình PowerPoint nâng cao để làm Slide trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT5: Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun.

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Hệ thống mạng Lan & internet	2	3	2		2
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2		3		2
3. Chương trình Powpoint nâng cao	2			3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp: học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng về các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y của Việt Nam và thế giới; Khai thác một số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I. Hệ thống mạng lan & internet	1.5 tiết			10 tiết		
1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1			5		<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang3-29. Bài tập tự lượng</i>
2. Hệ thống mạng Internet	1			5		

- Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet						<i>giá: bài tập 1,2 trang 29,30.</i>
II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2 tiết			15 tiết		
1. Các loại OPACs.				4		<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang 31-40. Bài tập tự lượng giá: trang 40.</i>
2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5			4		
3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	1			4		
4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5			3		
III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	5 tiết			20 tiết		
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Precentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	1			4		<i>Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang 41-61. Chuẩn bị trước các bài báo cáo. Slide theo nhóm 5 học viên. Báo cáo, đặt câu hỏi phản biện, trình bày cách làm, ý tưởng mới. Bài tập tự lượng giá: trang 61</i>

2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Precentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	1			4	
3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1			4	
4. Sử dụng hình vẽ					
5. Sử dụng Slide Master					
6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Hiệu ứng chuyển Slide - Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide	2			4	
7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger					
8. Sử dụng Note trong trình chiếu					
9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint					
10. Lưu văn bản và in văn bản					
Tổng số	7.5tiết			45 tiết	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập (Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên
------	----------	--------------------------	-----------------------------

							cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	I. Hệ thống mạng lan & internet	1.5 tiết					3
	1. Hệ thống mạng Lan	1					
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2 tiết					4
	1. Các loại OPACs.						
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5					
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5					
	IV. Chương trình microsoft powerpoint 2016	5 tiết					10
Buổi 2	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1					
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio	1					
	3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1					
	4. Sử dụng hình vẽ						
	5. Sử dụng Slide Master						
	6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	1					
	7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1					
	8. Sử dụng Note trong trình chiếu						
	9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						
	10. Lưu văn bản và in văn bản						
	Tổng số	7.5tiết					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy chiếu, máy tính cấu hình phù hợp để chạy bộ Office 1016, phần mềm Entnote hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở	CĐR1 đến CĐR5

			lên	
--	--	--	-----	--

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết * 30% + điểm thực hành 70%

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC


TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đoàn Công Bằng

PT. BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tuyết

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

4

Đối tượng đào tạo: **Bác sĩ Chuyên khoa I**

Mã số đào tạo:

Năm thứ:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: **Tác phẩm kinh điển (Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh)**

* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học

- Số tín chỉ: 4

- Đối tượng học: **BS Chuyên khoa 1**

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
X		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động (lên lớp/ thực hành/ tự học): 4 tín chỉ

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sau khi học xong môn Tác Phẩm Kinh điển học viên có khả năng:

Nắm được thân thể, sự nghiệp của các y gia nổi tiếng trong tứ đại kinh điển và những tác phẩm kinh điển của các y gia.

Nâng cao trình độ nhận thức về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm trong Tứ đại kinh điển

- Về kỹ năng:

Biết sử dụng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

Tiếp thu cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng

Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

*** Ma trận mục tiêu học phần/môn học với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách “nội kinh”.	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chẩn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tắc trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	
	MT 4	Nắm vững triệu chứng của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chứng của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành “Kim quỹ yếu lược”.	

Kim quỹ yếu lược	MT 2	Nấm vững Nguyên tắc điều trị biểu lý đồng bệnh trong kinh văn “Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ỉa chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu.”	
	MT 3	Nấm vững Nguyên tắc điều trị cũ mới đồng bệnh trong kinh văn: “Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau.”	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: “Tứ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gây yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt đoản khí, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị.”	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Nấm vững Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn đoán phân biệt phế nuy trong kinh văn: “Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sắc, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sắc, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mủ. Mạch sắc hư, là phế nuy, ác thực là phế ung.”	
	MT 7	Nấm vững Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn: “Bệnh khái nghịch, bất mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mủ, nôn ra máu mủ ất chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vi mà mạch sắc, vi là do phong, sắc là do nhiệt; vi ất ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tấu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng), sắc ất sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổn thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ất gây ho, miệng khô sưng mẫn (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọt mủ, nôn ra đờm mủ đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mủ thì chết!”	

	MT8	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí đoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì, mạch bộ quan thương tiểu khẩn sắc, phương dùng qua lâu giới bạch bạch tửu thang chủ trị.</i> ”	
	MT9	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lý điều trị đàm ẩm trong kinh văn: “ <i>Bệnh đàm ẩm, phải dùng ôn dược để hòa</i> ”	
	MT10	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Người bệnh chi ẩm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xám, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép thổ, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bã thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khứ thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị.</i> ”	
Ôn bệnh	MT 1	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thế nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	MT 2	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	MT 3	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	MT 4	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	MT 5	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	MT 6	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương đờm kinh trong Xuân Ôn	
	MT 7	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	MT 8	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lãn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	MT 9	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	MT 10	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khi sắp thoát trong thử ôn	

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là “Tứ đại kinh điển”, gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất. Có sớm nhất nói về y học. “Hoàng đế nội kinh” đã luận thuật một cách tưng tưng đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. “Hoàng đế nội kinh” đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong “Hoàng đế nội kinh” vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. “Hoàng đế nội kinh” là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Thương hàn tạp bệnh luận” bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong điều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là “Kim quỹ” hoặc “Ngọc hàm”.

Vì vậy Hàn thư cao kỹ như hầu nói: “Kim quỹ do kim đằng dã” giải thích rằng lấy vàng làm hàm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của

sách Trọng cảnh. “Kim quỳ” và “Ngọc hàm” là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sắc...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHD và YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nội kinh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Thương hàn luận, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Kim Quỳ Yếu Lược, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

- Ôn bệnh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

6. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Thực hành/ lâm sàng:

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ). Đánh giá theo thang điểm 10 (đối với chương trình đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2).

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số %

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn

Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số %

- Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm

Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với SV
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Chương I: Dưỡng sinh	2	0	0	2		
Chương II: Học thuyết âm dương, ngũ hành	2	0	0	2		
Chương III: Học thuyết tạng tượng	2	0	0	2		
Chương IV: Học thuyết Kinh lạc	2	0	0	2		
Chương V: Bệnh năng	2	0	0	2		
Chương VI: Chẩn Pháp	2	0	0	2		
Chương VII: Phép tắc trị liệu	2	0	0	2		

	Chương VIII: Ngũ Vận – Lục khí	2	0	0	2		
Thương hàn luận	Đại cương về thương hàn luận	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái dương (bàng quang tiêu trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu dương (đởm, tam tiêu)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Dương minh (vị, đại trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái âm (tỳ, phế)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu âm (tâm, thận)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Quyết âm (can, tâm bào)	2	0	0	2		
Kim quỹ yếu lược	Chương I: Mạch chứng tiên hậu bệnh tạng phủ kinh lạc Chương II: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh thấp và trúng thử	1	0	0	1		
	Chương III: Cách chữa bệnh bách hợp; hồ hoặc, âm độc Chương IV: Mạch chứng và cách chữa bệnh ngược (sốt rét)	1	0	0	1		
	Chương V: Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong Chương VI: Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý hư lao	1	0	0	1		
	Chương VII: Mạch chứng và cách chữa các bệnh phế nuy, phế ung và ho thở khí đưa lên Chương VIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh bồn độn khí	1	0	0	1		
	Chương IX: Mạch chứng và cách chữa bệnh hưng tý, tâm thống và đoản khí Chương X: Mạch chứng và cách chữa bệnh phúc mãn, hàn sán và túc thực	1	0	0	1		

	Chương XI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng Chương XII: Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái khẩu	1	0	0	1		
	Chương XIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm Chương XIV: Mạch chứng và cách chữa bệnh thủy khí	1	0	0	1		
	Chương XV: Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản Chương XVI: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh quý, thổ nục, hạ huyết, ngực đầy, ú huyết	1	0	0	1		
	Chương XVII: Mạch chứng và cách chữa bệnh ẩu thổ, uế, hạ lợi Chương XVIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh sang ung, trường ung, tâm dâm bệnh	1	0	0	1		
	Chương XIX: Mạch chứng và cách chữa bệnh phu quyết, sưng đau ngón tay cánh tay, chuyển cân, hồ sán, hồi trùng Chương XX: Mạch chứng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	1	0	0	1		
	Chương XXI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ Chương XXII: Mạch chứng và cách chữa tạp bệnh ở phụ nữ	1	0	0	1		
Ôn bệnh	Chương I: Bệnh phong ôn	2	0	0	2		
	Chương II: Bệnh xuân ôn	2	0	0	2		
	Chương III: Bệnh thử ôn	2	0	0	2		
	Chương IV: Bệnh thấp ôn	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh phụ thử	2	0	0	2		
	Chương VI: Bệnh thu táo	2	0	0	2		
	Chương VII: Ôn độc	2	0	0	2		
	Chương VIII: Ôn dịch	2	0	0	2		
	Chương IX: Đông ôn	2	0	0	2		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 10.

Thông tin về giảng viên

- **Họ và tên: PGS.TS Vũ Nam**

- **ĐT:0978163646**

- **Email:**

- **Họ và tên: PGS.TS Phạm Quốc Bình**

- **ĐT 0912757262**

- **Email: phamquocbinh68@gmail.com**

- **Họ và tên: GS.TS Trương Việt Bình**

- **ĐT 0369688688**

- **Email:**

- **Họ và tên: TS Trần Thị Hồng Ngãi**

- **ĐT 0915009672**

- **Email: Ngaidytw72@yahoo.com**

- **Họ và tên: TS Nguyễn Duy Tuân**

- **ĐT 0828991883**

- **Email: tuanzibi@gmail.com**

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)**

KHOA/BỘ MÔN



Trần Thị Hồng Ngãi

Hà Nội, ngày tháng năm 202

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: CHUYÊN KHOA I Y HỌC CỔ TRUYỀN, Mã số đào tạo:
Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: chuyên khoa I YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Thực hành: 30 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	<i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)</i>	<i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3
MT2	Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CĐR 5, CĐR 11,	3
	Kỹ năng		
MT3	+ Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu + Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	+ Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CĐR16	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CLO1: Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
MT2: Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CLO2: Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy
Kỹ năng	
MT3: - Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu - Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CLO3: Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng

MT4 + Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CLO4 : Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CLO5: Thể hiện 4 vai trò của kế hoạch bài giảng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	3				
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu			3	3	3
Thiết kế kế hoạch bài giảng			3	3	3
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập			3		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	3		3	3
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	3		3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều

kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4				4		Chuẩn bị bài trước; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4				4		
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4				4		
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4				4		
Thiết kế kế hoạch bài giảng	4				4		
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4				4		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3				3		
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3				3		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu tham khảo (TLTK) 4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Tự học (Giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	KT	BT	TL	Khác		
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4						4
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4						4
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4						4
4	Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4						4

5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4					4
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4					4
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3					3
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3			3		3

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tình cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi viết tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 5.0 điểm trở lên


12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


TS. Phan Minh Phi.

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC (THỰC HÀNH)

Đối tượng đào tạo: Chuyên khoa 1
Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: (2.0 LT, 1.0 TH)
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ CK1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Thực hành: 30 tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Lưu Minh Châu	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	PGS.TS. Trần Thị Minh Tâm		
3	PGS.TS. Trần Hồng Phương		
4	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3
MT2	Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CĐR 5, CĐR 11,	3
	Kỹ năng		
MT3	+ Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu + Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT4	+ Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CĐR 5, CĐR 11, CĐR16	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CĐR16	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	CLO1: Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
MT2: Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt	CLO2: Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy
Kỹ năng	
MT3: - Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu - Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	CLO3: Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng

MT4 + Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử	CLO4 : Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5 : Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng	CLO6 : Thể hiện 4 vai trò của kế hoạch bài giảng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)				
	1	2	3	4	5
Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	3				
Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	3				
Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu			3	3	3
Thiết kế kế hoạch bài giảng			3	3	3
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập			3		
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	3		3	3
Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	3		3	3
Thực hành viết mục tiêu bài giảng			3	3	3

Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử				3	3
--	--	--	--	---	---

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
Thực hành viết mục tiêu bài giảng		15			15		
Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử		15			15		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu tham khảo (TLTK) 4.1. Tài liệu chính (TLC)

(6) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(7) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(8) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(9) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(10) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

9. Kế hoạch giảng dạy Học phần/ Môn học lý thuyết

Tuần/ buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp					Tự học (Giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lên lớp (Tiết)						
		LT	TH	BT	TL	Khác		
1	Thực hành viết mục tiêu bài giảng		15				15	
2	Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử		15				15	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 5.

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tình huống / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO2].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- *Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5]*

- *Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO4 đến CLO5*

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các thực hành, mỗi bài đạt tối thiểu điểm 6/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 6/10 trở lên đối với bài thi kết thúc học phần.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR1 đến CĐR 5
	Tiểu luận			
	Thực hành	100%		CĐR 3 đến CĐR 4
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Báo cáo tiểu luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi viết tiểu luận.
- Điểm kết thúc thực hành thực hành là trung bình cộng điểm của các bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 5.0 điểm trở lên

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
- * Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã Học phần/ Môn học: HVHS
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn HSCC& chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com

3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	<u>theanhstc@gmail.com</u>

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Trình bày được lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT3	Nắm được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Kỹ năng		
MT4	Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT5	Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>MT2: Hiểu được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>MT3: Hiểu được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO1: Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.</p> <p>CLO2: Hiểu được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).</p> <p>CLO3: Hiểu được được hướng điều trị và điều trị cụ thể một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
Kỹ năng	
<p>MT4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>MT5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>	<p>CLO4: Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức</p> <p>CLO5: Vận dụng kiến thức vào thực tế lâm sàng để nhận định tình huống cấp cứu hồi sức cụ thể đưa ra hướng xử trí, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện</p>	<p>CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
---------------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	3	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3	3	3	3	3	2
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	3	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	3	2
Ngừng tuần hoàn	3	3	3	3	3	2
Suy hô hấp cấp	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04			04		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành
Cơn tăng huyết áp	02			02		
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03			03		
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04			04		
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04			04		
Ngộ độc cấp	03			03		
Phù phổi cấp	03			03		

Ngừng tuần hoàn	02			02		nội quy học tập của lớp
Suy hô hấp cấp	02			02		
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04			04		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đính và cộng sự, nhà xuất bản y học.
- Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
- Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
- Bệnh nội tiết chuyên hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					04
2.	Cơ tăng huyết áp	02					02
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	03					03
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04					04
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04					04
6.	Ngộ độc cấp	03					03
7.	Phù phổi cấp	03					03
8.	Ngừng tuần hoàn	02					02
9.	Suy hô hấp cấp	02					02

10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04					04
-----	---	----	--	--	--	--	----

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề
 Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng
 Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
 Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020


BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Minh

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
- * Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã Học phần/ Môn học: HVHS
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Thực hành: 90 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn HSCC & chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com

3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	<u>theanhstc@gmail.com</u>

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Kỹ năng		
MT3	Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT4	Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	CLO1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu
MT2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).	CLO 2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).
Kỹ năng	
MT3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	CLO 3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu.
MT4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CLO4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 5: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)

	1	2	3	4	5
Khó thở cấp	3	3	3	3	2
Đau ngực cấp ở người lớn	3	3	3	3	2
Rối loạn ý thức và hôn mê	3	3	3	3	2
Xử trí tăng kali máu/ suy thận	3	3	3	3	2
Điện giải và khí máu	3	3	3	3	2
Đau bụng cấp	3	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim và huyết động	3	3	3	3	2
Xuất huyết tiêu hóa	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Xuất huyết não	3	3	3	3	2
Nhồi máu não	3	3	3	3	2
Sốc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	2
Hôn mê hạ đường huyết	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Hồi sức cấp cứu là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về một số bệnh cấp cứu thường gặp. Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định tình trạng cấp cứu, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị, Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng g cộng		
Khó thở cấp		8		8	8	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham
Đau ngực cấp ở người lớn		4		4	4	
Rối loạn ý thức và hôn mê		8		8	8	
Xử trí tăng kali máu/ suy thận		4		4	4	

Điện giải và khí máu		4		4	4	gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Đau bụng cấp		8		8	8	
Rối loạn nhịp tim và huyết động		4		4	4	
Xuất huyết tiêu hóa		6		6	6	
Ngộ độc cấp		8		8	8	
Hôn mê tăng ALTT		4		4	4	
Hôn mê tăng ALTT		4		4	4	
Xuất huyết não		4		4	4	
Nhồi máu não		8		8	8	
Sốc nhiễm khuẩn		4		4	4	
Hôn mê hạ đường huyết		4		4	4	
Cơn tăng huyết áp		4		4	4	
Phù phổi cấp		4		4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đỉnh và cộng sự, nhà xuất bản y học.
- Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
- Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
- Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Khó thở cấp	8					8
2.	Đau ngực cấp ở người lớn	4					4
3.	Rối loạn ý thức và hôn mê	8					8

4.	Xử trí tăng kali máu/ suy thận	4				4
5.	Điện giải và khí máu	4				4
6.	Đau bụng cấp	8				8
7.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	4				4
8.	Xuất huyết tiêu hóa	6				6
9.	Ngộ độc cấp	8				8
10.	Hôn mê tăng ALTT	4				4
11.	Hôn mê tăng ALTT	4				4
12.	Xuất huyết não	4				4
13.	Nhồi máu não	8				8
14.	Sốc nhiễm khuẩn	4				4
15.	Hôn mê hạ đường huyết	4				4
16.	Cơn tăng huyết áp	4				4
17.	Phù phổi cấp	4				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tình huống / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng
- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

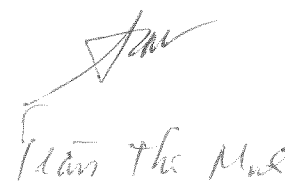
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Minh

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA
(PHẦN LÝ THUYẾT)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I.,
Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội tiết chuyển hóa
- * Tiếng Anh: Endocrine metabolism
- Mã Học phần/ Môn học: HVNT
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Cập Nhật chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	2
Hạ đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	3	3	3	2
Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	3	3	3	2
Đái tháo đường thai kỳ	3	3	3	2
Đái tháo nhạt	3	3	3	2
Bệnh cường giáp	3	3	3	2
Hội chứng Cushing	3	3	3	2
Suy thượng thận cấp và mạn	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị suy giáp	3	3	3	2
Bệnh viêm tuyến giáp	3	3	3	2
Cường aldosterone tiên phát	3	3	3	2
Cường tuyến thượng thận	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.

4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.

5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Cập Nhật chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	4					8
2.	Hạ đường máu ở bệnh nhân đái tháo đường	2					4
3.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	2					4
4.	Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	2					4
5.	Đái tháo đường thai kỳ	3					6
6.	Đái tháo nhạt	2					4
7.	Bệnh cường giáp	3					6
8.	Hội chứng Cushing	2					4
9.	Suy thượng thận cấp và mạn	2					4
10.	Chẩn đoán và điều trị suy giáp	2					4
11.	Bệnh viêm tuyến giáp	2					4
12.	Cường aldosterone tiên phát	2					4
13.	Cường tuyến thượng thận	2					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp / Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 202

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIẾT CHUYÊN HÓA
(PHẦN LÂM SÀNG)**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I.,
Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội tiết chuyển hóa
- * Tiếng Anh: Endocrine metabolism
- Mã Học phần/ Môn học: HVNT
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
- * Thực hành: 90 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tiết chuyển hóa thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí hạ đường huyết ở bệnh nhân	3	3	3	3	3	2

chuyển hóa. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật chăm sóc và điều trị một số bệnh nội tiết chuyển hóa thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường		4		4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Chẩn đoán và xử trí hạ đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường		4		4	4	
Bệnh bệnh án đái tháo đường thai kỳ		4		4	4	
Bệnh bệnh án biến chứng thần kinh ngoại vi/ đái tháo đường		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị đái tháo nhạt		4		4	4	
Bệnh bệnh án đái tháo nhạt						
Chẩn đoán và điều trị Basedow						
Bệnh bệnh án Basedow		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị suy giáp						
Bệnh bệnh án suy giáp		4		4	4	
Bệnh bệnh án suy thượng thận cấp		4		4	4	
Bệnh bệnh án suy thượng thận mạn		4		4	4	

	đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường						
3.	Bình bệnh án hôn mê tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường	4					4
4.	Bình bệnh án hôn mê nhiễm toan ceton do đái tháo đường	4					4
5.	Bình bệnh án đái tháo đường thai kỳ	4					4
6.	Bình bệnh án biến chứng thần kinh ngoại vi/ đái tháo đường	4					4
7.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo nhạt	4					4
8.	Bình bệnh án đái tháo nhạt						
9.	Chẩn đoán và điều trị Basedow						
10.	Bình bệnh án Basedow	4					4
11.	Chẩn đoán và điều trị suy giáp						
12.	Bình bệnh án suy giáp	4					4
13.	Bình bệnh án suy thượng thận cấp	4					4
14.	Bình bệnh án suy thượng thận mạn	4					4
15.	Bình bệnh án viêm tuyến giáp	4					4
16.	Bình bệnh án Cường aldosterone tiên phát	4					4
17.	Bình bệnh án Cường tùy thượng thận	4					4

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .
- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng
- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thu

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI HÔ HẤP (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Hô hấp
- * Tiếng Anh: Internal Respiratory
- Mã Học phần/ Môn học: HVHH
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tế lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp. MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp. CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
Kỹ năng	

MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Viêm phổi	3	3	3	2
Áp xe phổi	3	3	3	2
Hen phế quản	3	3	3	2
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	2
Tràn dịch màng phổi	3	3	3	2
Tràn khí màng phổi	3	3	3	2
Ung thư phổi	3	3	3	2
Ho ra máu	3	3	3	2
Giãn phế quản	3	3	3	2
Tâm phế mạn	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội hô hấp thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội hô hấp thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội hô hấp phần lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Viêm phổi	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Áp xe phổi	2			2		
Hen phế quản	4			4		
Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4			4		
Tràn dịch màng phổi	2			2		
Tràn khí màng phổi	2			2		
Ung thư phổi	4			4		
Ho ra máu	2			2		
Giãn phế quản	3			3		
Tâm phế mạn	3			3		

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Viêm phổi	4					8

2.	Áp xe phổi	2				4
3.	Hen phế quản	4				8
4.	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4				8
5.	Tràn dịch màng phổi	2				4
6.	Tràn khí màng phổi	2				4
7.	Ung thư phổi	4				8
8.	Ho ra máu	2				4
9.	Giãn phế quản	3				6
10.	Tâm phế mạn	3				6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI HÔ HẤP (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I, Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

* Tiếng Việt: Nội Hô hấp

* Tiếng Anh: Internal Respiratory

- Mã Học phần/ Môn học: HVHH

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết

* Thực hành: 90 tiết

* Bài tập: tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

* Kiểm tra: tiết

- Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội hô hấp thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội hô hấp thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội hô hấp thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản	3	3	3	3	3	2

Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Trần dịch màng phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí Bn Trần khí màng phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	3	3	3	3	3	2
Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	3	3	3	3	3	2
Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	3	3	3	3	3	2
Kiến tập Nội soi phế quản	3	3	3	3	3	2
Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	3	3	3	3	3	2
Kiến tập Nội soi màng phổi	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội hô hấp thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội hô hấp thường gặp. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị một số bệnh nội hô hấp thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi		4		4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi		4		4	4	
Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản		8		8	8	
Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		8		8	8	
Chẩn đoán và điều trị Bn Trần dịch màng phổi		8		8	8	

Chẩn đoán và xử trí Bn Tràn khí màng phổi	4	4	4
Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi	8	8	8
Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	4	4	4
Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	6	6	6
Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	4	4	4
Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	8	8	8
Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	8	8	8
Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	4	4	4
Kiến tập Nội soi phế quản	4	4	4
Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	4	4	4
Kiến tập Nội soi màng phổi	4	4	4

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học	Học viên tự
------	----------------	---------------------------	-------------

n /buổi		Giảng viên lên lớp (giờ)					học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Lâm sàng g	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Chẩn đoán và điều trị Bn Viêm phổi	4					4
2.	Chẩn đoán và điều trị Bn Áp xe phổi	4					4
3.	Chẩn đoán và điều trị Bn Hen phế quản	8					8
4.	Chẩn đoán và điều trị Bn Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	8					8
5.	Chẩn đoán và điều trị Bn Tràn dịch màng phổi	8					8
6.	Chẩn đoán và xử trí Bn Tràn khí màng phổi	4					4
7.	Chẩn đoán và điều trị Bn Ung thư phổi	8					8
8.	Chẩn đoán và xử trí Bn Ho ra máu	4					4
9.	Chẩn đoán và điều trị Bn Giãn phế quản	6					6
10.	Chẩn đoán và điều trị Bn Tâm phế mạn	4					4
11.	Thực hiện kỹ năng chọc hút dịch màng phổi	8					8
12.	Thực hiện kỹ thuật đo chức năng hô hấp	8					8
13.	Thực hiện kỹ thuật làm khí máu động mạch	4					4
14.	Kiến tập Nội soi phế quản	4					4
15.	Kiến tập chọc hút tràn khí màng phổi	4					4
16.	Kiến tập Nội soi màng phổi	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CDR ...
	Tiểu luận			

	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

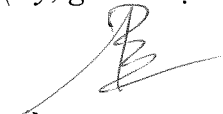
BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIM MẠCH (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
- * Tiếng Việt: Nội Tim mạch
- * Tiếng Anh: Internal Cardiology
- Mã Học phần/ Môn học: HVTM
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
2.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]	5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.

Kỹ năng	
MT3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO3: Vận dụng kiến thức bệnh học vào thực tiễn lâm sàng để thăm khám, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 4: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)			
	1	2	3	4
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	3	3	3	2
Nhồi máu cơ tim	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3	3	3	2
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3	3	3	2
Viêm màng ngoài tim	3	3	3	2
Suy tim	3	3	3	2
Tăng huyết áp	3	3	3	2
Xơ vữa động mạch	3	3	3	2
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	3	3	3	2
Viêm tắc tĩnh mạch	3	3	3	2
Suy tĩnh mạch chi dưới	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tim mạch thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái

quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội tim mạch thường gặp. Đây là những kiến thức cơ bản rất quan trọng phục vụ cho học phần Nội tim mạch phần lâm sàng để học viên có thể vận dụng vào thực tế thăm khám, chẩn đoán và điều trị những ca bệnh thực tế trên lâm sàng.

7. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2			2	4	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
Nhồi máu cơ tim	2			2	4	
Bệnh hẹp, hở van hai lá	3			3	6	
Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3			3	6	
Viêm màng ngoài tim	2			2	4	
Suy tim	3			3	6	
Tăng huyết áp	4			4	8	
Xơ vữa động mạch	2			2	4	
Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2			2	4	
Viêm tắc tĩnh mạch	2			2	4	
Suy tĩnh mạch chi dưới	2			2	4	
Rối loạn nhịp tim	3			3	6	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.
2. Tài liệu phát tay

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Hình thức tổ chức dạy học					
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Bệnh tim thiếu máu cục bộ	2					4
2.	Nhồi máu cơ tim	2					4
3.	Bệnh hẹp, hở van hai lá	3					6
4.	Bệnh hẹp, hở van động mạch chủ	3					6
5.	Viêm màng ngoài tim	2					4
6.	Suy tim	3					6
7.	Tăng huyết áp	4					8
8.	Xơ vữa động mạch	2					4
9.	Rối loạn chuyển hóa lipid máu	2					4
10.	Viêm tắc tĩnh mạch	2					4
11.	Suy tĩnh mạch chi dưới	2					4
12.	Rối loạn nhịp tim	3					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO6].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	[CĐR3], [CĐR 7], [CĐR 20]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NỘI TIM MẠCH (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I, Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

* Tiếng Việt: Nội Tim mạch

* Tiếng Anh: Internal Cardiology

- Mã Học phần/ Môn học: HVHH

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết

* Thực hành: 90 tiết

* Bài tập: tiết

* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

* Kiểm tra: tiết

- Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội – Tổ HHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
2.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT2	Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
Kỹ năng			
MT3	Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT4	Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	5
MT5	Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT6	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CDR3], [CDR 7], [CDR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	

MT1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.	CLO1: Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của một số bệnh nội tim mạch thường gặp.
MT2: Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO 2 Nắm được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp
Kỹ năng	
MT3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO 3: Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội tim mạch thường gặp
MT4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp	CLO4: Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội tim mạch thường gặp
MT5:Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp	CLO5: Có khả năng chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	CLO 6: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)					
	1	2	3	4	5	6
Bình bệnh án hẹp van hai lá	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án hở van động mạch chủ	3	3	3	3	3	2

Bình bệnh án hở van hai lá	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án hẹp van động mạch chủ	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án Tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án nhồi máu cơ tim	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án cơn đau thắt ngực	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án rung nhĩ	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án ngoại tâm thu thất	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	3	3	3	3	3	2
Bình bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	3	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội tim mạch thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch thường gặp. Giúp người học có được kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội tim mạch thường gặp.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/ TL/K T	Tổng cộng		

Bình bệnh án hẹp van hai lá	4	4	4	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Bình bệnh án hở van động mạch chủ	4	4	4	
Bình bệnh án hở van hai lá	4	4	4	
Bình bệnh án hẹp van động mạch chủ	4	4	4	
Bình bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	4	4	4	
Bình bệnh án Tăng huyết áp	6	6	6	
Bình bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	16	16	16	
Bình bệnh án nhồi máu cơ tim	4	4	4	
Bình bệnh án cơn đau thắt ngực	4	4	4	
Bình bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	4	4	4	
Bình bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	4	4	4	
Bình bệnh án viêm nội tâm mạc mạc nhiễm khuẩn	4	4	4	
Bình bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	8	8	8	
Bình bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	4	4	4	
Bình bệnh án rung nhĩ	4	4	4	
Bình bệnh án ngoại tâm thu thất	4	4	4	
Bình bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	4	4	4	
Bình bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	4	4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
4. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
5. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần n /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Lâm sàn g	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Bệnh án hẹp van hai lá	4					4
2.	Bệnh án hở van động mạch chủ	4					4
3.	Bệnh án hở van hai lá	4					4
4.	Bệnh án hẹp van động mạch chủ	4					4
5.	Bệnh án Rối loạn chuyển hóa lipid	4					4
6.	Bệnh án Tăng huyết áp	6					6
7.	Bệnh án suy tim (suy tim trái, suy tim phải, suy tim toàn bộ, suy tim tâm trương)	16					16
8.	Bệnh án nhồi máu cơ tim	4					4
9.	Bệnh án cơn đau thắt	4					4

	ngực					
10.	Bình bệnh án suy tĩnh mạch chi dưới	4				4
11.	Bình bệnh án viêm tắc tĩnh mạch	4				4
12.	Bình bệnh án viêm nội tâm mạc mạc nhiễm khuẩn	4				4
13.	Bình bệnh án nhồi máu não do tăng huyết áp	8				8
14.	Bình bệnh án xuất huyết não do tăng huyết áp	4				4
15.	Bình bệnh án rung nhĩ	4				4
16.	Bình bệnh án ngoại tâm thu thất	4				4
17.	Bình bệnh án cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất	4				4
18.	Bình bệnh án bệnh tim thiếu máu cục bộ	4				4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 3, CDR 7, CDR 20

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội quy chế độ học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phân lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .

- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng

- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOA/BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kim Thư

Hà Nội, ngày tháng năm 202

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Trình độ đào tạo: Tự cho Sau Đại học, Ngành: YHCT. Mã số đào tạo: MEDI

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun:

- Áp dụng cho ngành đào tạo: YHCT - Châm cứu

Bậc đào tạo: CK1 Hình thức đào tạo: Tập trung

- Yêu cầu của học phần: Tự chọn

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành tại: Các bệnh viện thực hành (có khoa Phục hồi chức năng): 90 tiết.

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phục hồi chức năng

- Đối tượng học (năm thứ): BSCK1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): đang học chương trình bác sĩ YHCT.

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: khoa Y học lâm sàng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Bộ môn	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	PHCN	huychinhnghuyenvinh@gmail.com
2	TS. Nguyễn Hoài Nam	0904247028	PHCN ĐHY HN	
3	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	PHCN	bsthuyhoa@gmail.com
4	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	PHCN	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
Kiến thức	
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.

MT 6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1		2				
MT2		2				
MT3		2				
MT4		2				
MT 5		2				
MT 6		2				
MT7		2				

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modul (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
CLO2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng

CLO3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
CLO4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
CLO5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
CLO6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
CLO7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO 1		X													
CLO 2		X													
CLO 3		X													
CLO 4		X													
CLO 5		X													
CLO 6		X													
CLO7		X													

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Máy chiếu, loa, mic.

6.1.2. Lâm sàng:

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

- Bệnh viện PHCN Hà Nội (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Thước đo tâm vận động
2	Máy siêu âm trị liệu
3	Máy kéo giãn
4	Máy điện xung
5	Đèn hồng ngoại
6	Thanh song song
7	Khung tập đi
8	Đèn tử ngoại
9	Máy sóng ngắn

6.2. Yêu cầu đối với Học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.
- Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.
- Học viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp Học viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN	04	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái	CLO1	Thuyết trình	Nghe giảng, Trả lời	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN

	Các phương thức vật lý trị liệu		niệm Phục hồi chức năng		Đặt câu hỏi Động não	câu hỏi, Thảo luận	Các phương thức vật lý trị liệu
2	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	04	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật
3	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO2 CLO5	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
4	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	04	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	CLO3	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi,	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN

						Thảo luận	
5	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý 	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não
6	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. 	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não

			- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý				
7	PHCN tôn thương tủy sống	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN tôn thương tủy sống
8	Giải đáp thắc mắc	02	- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO5	Đặt câu hỏi Trả lời câu hỏi Động não	Đặt câu hỏi, thảo luận.	Giải đáp thắc mắc

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR

- (7) Hoạt động học của HV: Xác định các nội dung HV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1,2	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	03TH	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	CLO1		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
3,4	Đo tầm vận động khớp	08(5TH, 3TL)	Khám, lượng giá được	CLO2	1	Cầm tay chỉ việc	Lắng nghe Thực hành dưới sự	Đo tầm vận động khớp

	Thủ cơ bằng tay người tàn tật		bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng			PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Thủ cơ bằng tay người tàn tật
5,6	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04TH	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO2 CLO5	1	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
7,8	Vận động	06(4TH ,2TL)	Lập được kế hoạch	CLO3	2-7	Cầm tay chỉ việc	Lắng nghe	Vận động trị

	trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN		điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng			PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	liệu HĐTL Các phương thức PHCN
9	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não.	08(4TH,4 TL)	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não

			pháp điều trị hợp lý					
10, 11,12	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04TH	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não
13	PHCN Tôn thương tủy sống	07(2 TH,2 BT,2T	Khám, lượng giá lên kế	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Giám sát	Hỏi bệnh, thăm khám, đưa ra pp PHCN	

		L, 1 tự học)	hoạch PHCN					
14, 15	Bóc bệnh án + Hỏi thi lâm sàng	04KT	Khám, lượng giá lên kế hoạch PHCN	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Hỏi thi	Trả lời, thực hành thăm khám, lượng giá, đưa ra pp PHCN trên bệnh nhân, bệnh án thi	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.2.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Bệnh án	40%-60%		CLO1-CL07	Học viên bóc bệnh án và làm bệnh án thi sau đó giảng viên hỏi thi trên bệnh án Học viên làm
Điểm thi kết thúc học	100%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự	Viết tiểu luận	100%		CLO1-CL07	Học viên Viết tiểu luận

phần/mô đơn		luận/Báo cáo tiểu luận...					
----------------	--	------------------------------	--	--	--	--	--

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đơn
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Bài thực hành	2 bệnh án	Bệnh án điều kiện	CLO1-CLO7
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	50 %	Bệnh án+ hỏi thi	CLO1-CLO7
3	Điểm thi lý thuyết			
	Viết tiểu luận	50 %	Học viên qua môn: đạt từ 5/10 điểm	CLO1-CLO7

9.4. Điểm học phần/ mô đơn

(Lý thuyết + thực hành)/2

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

[2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.

[3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội

[4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam

[6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho Học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đơn.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN



Nguyễn Vinh Huy Chính

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT PHƯƠNG TẾ LÂM SÀNG

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa 1 ngành YHCT, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Phương tế học lâm sàng
- * Tiếng Việt: *Phương tế học lâm sàng*
- * Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical
- Mã học phần/ mô đun: HVPT
- Số tín chỉ: 01 LT (15 tiết), 01 LS (45 tiết)
- Đối tượng học: năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

11

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành:
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: ... tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tế

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com
----	-------------------------	------------	----------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT 1	+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc + Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm	2, 6	Bloom 2001 Bậc 2 Bloom 2001 Bậc 3 Bloom 2001 Bậc 4
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	7	Dave 1975 bậc 4
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	11,20	Krathwohl bậc 3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
-------------------	------------------

Kiến thức	
MT1: Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc	<p>CĐR(2): Vận dụng được kiến thức lý luận YHCT và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo YHCT kết hợp với YHHĐ</p> <p>CĐR (6): Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn</p>
MT2: Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT	
MT3: Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc	
MT4: So sánh được phương thuốc cùng nhóm	
Kỹ năng	
MT1: Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	CĐR (7): thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp YHCT kết hợp YHHĐ.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.	<p>CĐR (11): có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.</p> <p>CĐR (20): tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR2	CĐR6	CĐR7	CĐR11	CĐR20
CHƯƠNG 1	3	3	3	3	3
Nguyên tắc trị liệu YHCT					

Phương thuốc giải biểu					
Phương thuốc thanh nhiệt					
CHƯƠNG 2	3	3	3	2	2
Phương thuốc hoà giải					
Phương thuốc ôn lý					
Phương thuốc trừ phong					
Phương thuốc trừ thấp					
Phương thuốc trừ phong thấp					
CHƯƠNG 3	3	3	3	2	2
Phương thuốc an thần					
Phương thuốc cố sáp					
Phương thuốc lý khí					
Phương thuốc lý huyết					
Phương thuốc trừ đàm					
CHƯƠNG 4	3	3	3	2	2
Phương thuốc bổ					

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/ KT			
Chương 1: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt	04					1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

Chương 2: Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp	04						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Chương 3: Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm	04						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)
Chương 4: Phương thuốc bổ	03						1. Đọc bài trước 2. Chuẩn bị những câu hỏi về bài để thảo luận trên lớp (nếu có)

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập (Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

8.2. Tài liệu tham khảo

1. 中甲 (2021), 方学. 新世 - 全国高等中医院校划教材, 供中医用。中国中医出版社.

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tế học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh - NXB Y Học 2008

2. - 彭仁 (2015), 中医方大辞典, 人民生出版社.

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tế đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Viện y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tế học giảng nghĩa*, Nhà xuất bản Y học.

4. Trần Văn Bản (2013), *Phương tế học*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	KT	BT	TL	Các hình thức khác	
1	Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt	04					
2	Phương thuốc hoà giải Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong Phương thuốc trừ thấp Phương thuốc trừ phong thấp	04					
3	Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp	04					

	Phương thuốc lý khí							
	Phương thuốc lý huyết							
	Phương thuốc trừ đàm							
4	Phương thuốc bổ	03						
	TỔNG	15						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tiểu luận	100%		2, 6, 7, 11, 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


PGS.TS Trần Thị Thu Vân

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHÂM CỨU**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ CK1 YHCT

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 Tín chỉ (LT 1; TH 1)
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ CK1 YHCT
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn CHÂM CỨU

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	
3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	

6	TS. Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	
---	----------------------	------------	----------	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện 	CĐR 5	
	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu 	CĐR9, CĐR10, CĐR11	
	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.</p>	CĐR 15, CĐR 16, CĐR 17	

thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính							
Chuyên đề 2: Tý ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp át kinh, Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	04						

Chuyên đề 2: Tỷ lệ lưu trú, Phương pháp bỏ tử	04						
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp át kinh, Châm cứu Đại thành	04						
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	03						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy CHÂM CỨU, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng**, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngu và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp át kinh**, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngu và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp át kinh**, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

5. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang**, Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.

6. **Nguyễn Tử Siêu**, Hoàng đế nội kinh tổ vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

7. **Phan Quan Chí Hiếu**, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc	04					

thời gian hệ Can chi và cách tính						
Chuyên đề 2: Tý ngộ lưu trú, Phương pháp bổ tả	04					
Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh, Châm cứu Đại thành	04					
Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	03					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR ... đến CDR

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần		Tham gia tối thiểu 80% số tiết buổi giảng lý thuyết trên lớp	CĐR ...
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Tiểu luận	100%		CĐR .. đến CĐR

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

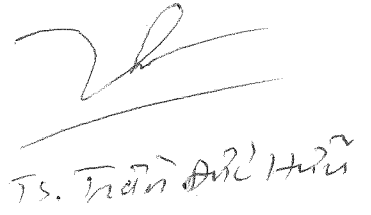
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

20....
BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Ts. Trần Đức Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC HÀNH/LÂM SÀNG MÔN KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH

13

Đối tượng đào tạo: Chuyên khoa 1 YHCT
Mã số đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- * Tiếng Anh: Department of psychophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 tín chỉ (15 tiết)
- Đối tượng học : Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
 - + Lâm sàng: 15 tiết
 - + Bài tập: ... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ... tiết
 - + Kiểm tra:.... tiết
 - + Thời gian tự học: ... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

Giảng viên			
1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.....	CDR5	
2	Kỹ năng : - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CDR5	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm :	CDR5	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng 		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR(1): Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR2: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CĐR5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

Kỹ năng	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR6: Thực hành thành thạo Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR7: Thực hành thành thạo Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR8: Thực hành thành thạo Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR9: Hiểu được cơ bản một số động tác, hình thái KC, Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng	CĐR10: Thực hành thành thạo : Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT1: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành	CĐR11: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành
MT2: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng	CĐR12: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun
----------	-------------------------------

học phần/ mô đun	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR12
Luyện tư thể trong KC	3						
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công		3					
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thể, luyện thở			3				
Luyện tư thể động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở				3			
Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.					3		
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh						3	

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
1: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn
2: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện thở
3: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện ý
4: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.
5: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện

							động tác chống xơ xướng.
6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về:

bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng							- Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thể động và trong tư thể tĩnh. - Luyện động tác chống xơ cứng
Thi Thực hành/lâm sàng		4		Hỏi thi trên lâm sàng
Tổng							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hưởng (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiếp (1977), *Thẻ dực phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	1: Thực hành lâm sàng KCDS					4	

Buổi 2	2: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 3 ...	3: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 4	4: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 5	5: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 6	6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 7	7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 8	8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 9	9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 10	Thi TH/LS					4	
	TỔNG						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ x Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng x

Nghiên cứu tình huống x

Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập x

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR... đến CDR...
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR ... đến CDR ...
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt CDR 1, 2, 3, ...
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR... đến CDR...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

....

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

- Hình thức thi: hỏi thi trên lâm sàng
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Ví dụ

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Thực hành/lâm sàng	100%		CĐR 1 đến 12
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	(hình thức thi...)	100%		CĐR 1 đến 12

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

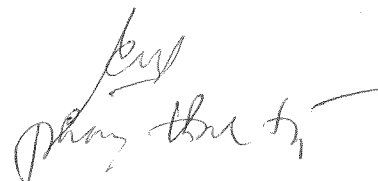
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH- XOA BÓP BẨM HUYỆT

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I - ngành Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- * Tiếng Anh: Department of payhophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 tín chỉ (15 tiết)
- Đối tượng học: Bác sĩ Chuyên khoa I - ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 16 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành:tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: ... tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com
4	Lê Thị Kim Dung	0979818222	quangtuyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.	CĐR1	
2	Kỹ năng : Kỹ năng: - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.	CĐR2	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh. 		
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện	CĐR3	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	CĐR1: Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
MT2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
MT3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
MT4: Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	3	3	3	3	3
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
4. vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
Tổng							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập 8.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DUỖNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hương (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiếp (1977), *Thể dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4					
Buổi 2	2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 3	3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3					
Buổi 4	4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .	4					

	Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga						
	TỔNG						

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm

Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR... đến CĐR...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR... đến CĐR..

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận	100%		CDR1 đến 15

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

duy
Phan Thanh Kỳ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng: Bác sĩ chuyên khoa I Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 10 tín chỉ (LT: 5, LS: 5)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết

+ Lý thuyết: 75 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 20 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC PHẦN

bệnh nội khoa y học cổ truyền.	
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
	Kiến thức cơ sở ngành X	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
--------------------------------------	-------------------------------------	---------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	---

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	2	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	3	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	3	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	3	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	3	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	3	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	2	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	3	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	2	8	2	0	15	1	
10.	Ma mịch	3	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	2	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	3	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	2	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	2	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	2	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	2	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	2	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	9	8	2	0	15	1	
	Tổng	45		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Đại cương học phần	4	0	0				
Chương	1. Tiết tả	10	4	8	Bình		Đọc giáo	

1: Tiêu hóa	2. Vị quản thống 3. Tiện bí 4. Hoàng đản				bệnh án ca lâm sàng		trình, tài liệu tham khảo, trang website và	
Chương 2: Cơ xương khớp	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong 5. Ma mộc	15	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng		chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác.	
Chương 3: Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vụng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	10	4	8				
Chương 4: Tổng hợp 2	1. Khái thấu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	10	4	8				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		
	Điểm lâm sàng	33%		

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

10. Tài liệu học tập


Giáo trình học tập

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA	<i>Hà Nội, ngày tháng năm 20</i> BỘ MÔN  PGS.TS Đoàn Quang Huy
--------------------	--

Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 30 LS (900 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 900 tiết

+ Lâm sàng: 450 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 200 tiết

+ Tự học: 250tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CĐR CỦA HỌC

chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	Tổng	72		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đản	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyền vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
TỔNG		72	0	0	34	18	138

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN



PGS.TS Đoàn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHẦN LÝ THUYẾT)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa 1 ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 10 TC lý thuyết + 30 TC thực hành
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa 1 ngành y học cổ truyền
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
- * Lý thuyết: 150 tiết
- * Thực hành: 900 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- * Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	PGS. TS. Lê Lương Đồng	091 3506029	leluongdongyh@gmail.com
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biến chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Kỹ năng		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12. CĐR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CĐR17, CĐR 18 CĐR	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CĐR 17, CĐR 18 CĐR19, CĐR20 CĐR 21	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CLO1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ CLO2: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
MT2: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CLO3: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
Kỹ năng	
MT3: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý	CLO4: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
MT4: Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CLO5: Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
MT5: Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD	CLO6: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHD điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CLO7: Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
MT7: Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CLO8: Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. CLO8: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	30	180		210	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan	
Bệnh lý hậu môn trực tràng	30	180		210		
Bệnh lý Y học giới tính	40	180		220		
Bệnh lý tim mạch	20	180		200		
Bệnh lý tiết niệu	30	180		210		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Bệnh lý Da liễu	30					
Buổi 2							
Buổi 3							
Buổi 4							
Buổi 5							
Buổi 6							
Buổi 7							
Buổi 8	Bệnh lý hậu môn trực tràng	30					
Buổi 9							
Buổi 10							
Buổi 11							
Buổi 12							
Buổi 13							
Buổi 14							
Buổi 15	Bệnh lý Y học giới tính	40					
Buổi 16							
Buổi 17							
Buổi 18							
Buổi 19							
Buổi 20							
Buổi 21							
Buổi 22							
Buổi 23							
Buổi 24							
Buổi 25	Bệnh lý tim mạch	20					
Buổi 26							
Buổi 27							

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 28 Buổi 29							
Buổi 28 Buổi 29 Buổi 30 Buổi 31 Buổi 32 Buổi 33 Buổi 34	Bệnh lý tiết niệu	30					
	TỔNG	150					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phân bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- ✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ)

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đoàn Minh Thụy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa 1 ngành y học cổ truyền; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Chuyên ngành Ngoại Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: HVNG
- Số tín chỉ: 10 TC lý thuyết + 30 TC thực hành
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa 1 ngành y học cổ truyền
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 1050 tiết
- * Lý thuyết: 150 tiết
- * Thực hành: 900 tiết
- * Bài tập: tiết
- * Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
- * Kiểm tra: tiết
- * Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	PGS. TS. Lê Lương Đống	091 3506029	leluongdongyh@gmail.com
4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com

5	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
6	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
7	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của Học phần (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
MT2	Giải thích được nguyên nhân, biến chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
	Kỹ năng		3
MT3	Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12. CDR 13.	3
MT4	Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
MT5	Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	CDR3, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR12.	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		3
MT6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học	CDR17, CDR 18 CDR	3

Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.		
MT7	Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CĐR 17, CĐR 18 CĐR19, CĐR20 CĐR 21	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ	CLO1: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ CLO2: Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh, Các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT.
MT2: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa	CLO3: Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa
Kỹ năng	
MT3: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh lý	CLO4: Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh	lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh
MT4: Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT	CLO5: Vận dụng được kiến thức để đưa ra chính định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng phương pháp châm cứu và thuốc YHCT.
MT5: Đưa ra được chẩn đoán, chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD	CLO6: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHD điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
MT6: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.	CLO7: Nhận thức về tầm quan trọng của điều trị bệnh lý ngoại khoa trên thực tế lâm sàng và Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
MT7: Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.	CLO8: Ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa tại Bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị. CLO8: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)
-------------------	-------------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8
Bệnh lý Da liễu	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý hậu môn trực tràng	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý Y học giới tính	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tim mạch	3	3	3	3	3	3	3	3
Bệnh lý tiết niệu	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả Học phần/ Môn học

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

7. Nội dung chi tiết Học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	LS	BT/TL/KT	Tổng cộng		
Bệnh lý Da liễu	30	180		210	Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan	
Bệnh lý hậu môn trực tràng	30	180		210		
Bệnh lý Y học giới tính	40	180		220		
Bệnh lý tim mạch	20	180		200		
Bệnh lý tiết niệu	30	180		210		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	180					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	180					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	180					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	180					
	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	180					
	TỔNG	900					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- ✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo thực hành	33,3%		CĐR3, CĐR6, CĐR7

				CĐR8, CĐR9, CĐR12.
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc làm tiểu luận	66,7%		CĐR3, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR12.

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ)

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

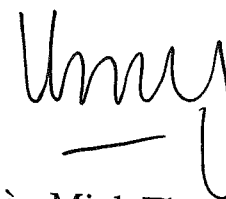
BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đoàn Minh Thụy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÂM SÀNG: Chuyên ngành Nhi

Mã ngành đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chuyên ngành Nhi
- Mã học phần/ mô đun: HVNH
- Số tín chỉ: 40/5/35
- Đối tượng học (năm thứ 2): Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp X				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Chuyên ngành Nội
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 75 tiết
 - + Lâm sàng: 1050 tiết
 - + Thời gian tự học: 1125 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và	Số điện thoại	Email

	tên		
1	Ths Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	Bsqyinhnga76@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]	Mức độ [4]
Mục tiêu (Gx) [1]	(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CĐR2,3	2.0 -> 3.0
MT2	Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ	CĐR2,3	2.0 -> 3.0
Kỹ năng			
MT3	Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vụng văn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CĐR6,7,8,9,10,11,12,13,14	4.0 -> 4.5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.	CĐR16,17,18,19,20	0.0 -> 2.0

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Nắm chắc đặc điểm trẻ em theo quan điểm của YHCT, nắm được các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT	CDR1: Phân tích được xác các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT CDR2: Phân tích được các nội dung trong vọng, vấn, vấn, thiết nhi khoa YHCT.
MT2: Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ	CDR3: Giải thích chính xác chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.
Kỹ năng	
MT3: Có kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi; có kỹ năng vọng vấn vấn thiết tốt trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp; có kỹ năng báo cáo; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	CDR4: Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi. CDR5: Vận dụng thuần thực các kỹ năng vọng, vấn, vấn, thiết của YHCT để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, pháp điều trị một số bệnh thường gặp cho bệnh nhi. CDR6: Vận dụng thuần thực các kỹ năng dùng thuốc, không dùng thuốc để điều trị, chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

VIÊM CẦU THẬN	3	3	3	3	3	3	3	3
SÓT XUẤT HUYẾT	3	3	3	3	3	3	3	3
SỎI	3	3	3	3	3	3	3	3
QUAI BỊ	3	3	3	3	3	3	3	3
THỦY ĐẬU	3	3	3	3	3	3	3	3
CHÂN TAY MIỆNG	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Nội dung gồm các kiến thức sâu về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

STT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
		LT	LS	BT/TL/KT				
1	ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT	4					32	Đọc trước tài liệu, tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi
2	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT	4					32	
3	CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT	4					32	
4	SUY DINH DƯỠNG	4					36	
5	TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG	4					36	
6	TIÊU CHẢY	4					36	
7	HEN PHẾ QUẢN	4					50	
8	BẠI NÃO	4					50	

9	DI CHỨNG VIÊM NÃO	4					50	về những vấn đề chưa hiểu. Các câu hỏi sẽ được thảo luận trong buổi học
10	LIỆT VII NGOẠI BIÊN	4					36	
11	DI NIỆU	4					22	
12	CO GIẬT	4					36	
13	SA TRỰC TRÀNG	4					36	
14	VIÊM CẦU THẬN	4					36	
15	SÓT XUẤT HUYẾT	4					36	
16	SỎI	4					22	
17	QUAI BỊ	4					22	
18	THỦY ĐẬU	4					32	
19	CHÂN TAY MIỆNG	4					36	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; LS: Lâm sàng,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi, Nhi Khoa Y học cổ truyền. Tài liệu lưu hành nội bộ: HUYDHCTVN.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Vũ Nam (2005), Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.

[3]. Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác (2012), Hải thượng y tông tâm lĩnh, Nhà xuất bản y học.

[4]. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Nội dung	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Học tại buổi bệnh	
1	ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT			28	38	28
2	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT			28	38	28
3	CHẨN ĐOÁN NHI			28	38	28

	KHOA YHCT					
4	SUY DINH DƯỠNG			32	40	32
5	TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG			32	40	32
6	TIÊU CHẢY			32	40	32
7	HEN PHẾ QUẢN			46	42	46
8	BẠI NÃO			46	42	46
9	DI CHỨNG VIÊM NÃO			46	42	46
10	LIỆT VII NGOẠI BIÊN			32	42	32
11	DI NIỆU			18	38	18
12	CO GIẬT			32	40	32
13	SA TRỰC TRÀNG			32	40	32
14	VIÊM CẦU THẬN			32	40	32
15	SỐT XUẤT HUYẾT			32	40	32
16	SỎI			18	38	18
17	QUAI BỊ			18	38	18
18	THỦY ĐẬU			28	38	28
19	CHÂN TAY MIỆNG			32	40	32

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên linh hoạt, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR3 đến CDR6.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6

- Hướng dẫn sinh viên thực tập lâm sàng: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn lâm sàng để đạt các chuẩn từ CDR5 đến CDR8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, tùy theo điều kiện giảng đường

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyên đổi HDMI, màn hình led, có loa mic.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

- Sinh viên phải hoàn thành các bệnh án lâm sàng được giao.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0		CĐR 8
	Thực hành	40%		CĐR1 đến CĐR 8
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	60%		CĐR1 đến CĐR 8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 thi.$$

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20 20

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quỳnh Nga